

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ VĨNH LONG  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2020/DS-ST.  
Ngày: 07-7-2020.  
V/v tranh chấp "Hợp đồng tín dụng"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Hải Châu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Dương Thị Phụng.

Bà Đặng Ngọc Thu.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn An Phước, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Không tham gia.

Ngày 07 tháng 7 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2020/TLST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2020 về tranh chấp "Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2020/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần T.

Trụ sở: Số T đường N, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo pháp luật:* Bà Nguyễn Đức Thạch D; chức vụ: Tổng giám đốc.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Cao Hồng S; chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP T - Chi nhánh Vĩnh Long (Giấy ủy quyền số 4048/2018/GUQ-PL ngày 10/12/2018)

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Phú Q; chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ Ngân hàng TMCP T - Chi nhánh Vĩnh Long. (Giấy ủy quyền số 67/2019/UQ-CNVL ngày 30/11/2019) (vắng mặt)

Địa chỉ: Số B đường H, Phường M, thành phố L, tỉnh Vĩnh Long.

**- Bị đơn:** Chị Trịnh Thị Phương T, sinh năm 1976.(vắng mặt)

Nơi cư trú: Số S đường P, Phường T, thành phố L, tỉnh Vĩnh Long.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Tại đơn khởi kiện ngày 05/3/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Phú Q là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần T (gọi tắt là Ngân hàng T) trình bày như sau:

Ngày 27/10/2014 Ngân hàng T có ký với chị Trịnh Thị Phương T hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng) đã thỏa thuận: Hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng; không xác định thời hạn sử dụng; thỏa thuận lãi suất vay trong hạn là 2,5%/tháng, lãi suất vay quá hạn là 3,75%/tháng lãi suất vay trong hạn; hình thức vay tín chấp (không thế chấp tài sản); mục đích vay để tiêu dùng cá nhân; phương thức thanh toán là trả theo từng tháng chốt lãi đến ngày 05 hàng tháng và mức tối thiểu thanh toán tối thiểu 5% số tiền sử dụng tính đến kỳ cuối cùng + với tiền lãi + các chi phí trên tổng số tiền đã rút. Trong quá trình thực hiện chị T đã có trả cho Ngân hàng tính đến ngày 05/7/2017 được tổng số tiền 31.200.000 đồng nhưng từ đó cho đến nay chị T không trả nữa. Ngân hàng T đã nhiều lần gửi thông báo yêu cầu chị T trả nợ nhưng chị T không thực hiện.

Tính đến ngày 05/3/2020 chị T còn nợ Ngân hàng T số tiền tổng cộng là 32.012.778 đồng. Trong đó: Nợ gốc 15.511.888 đồng và lãi quá hạn 16.500.890 đồng.

Bị đơn chị Trịnh Thị Phương T được Tòa án triệu tập 02 lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng T.

Tại phiên tòa:

Đại diện nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn Trịnh Thị Phương T. Cụ thể: Ngân hàng T yêu cầu cá nhân chị Trịnh Thị Phương T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền tổng cộng là 34.417.138 đồng tính đến ngày 07/7/2020 (trong đó nợ gốc 15.511.888 và lãi suất quá hạn 18.905.250 đồng) và yêu cầu tính lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng cấp thẻ từ ngày 08/7/2020 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Bị đơn chị Trịnh Thị Phương T được Tòa án triệu tập họp lệ xét xử đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng T có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Trịnh Thị Phương T được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp theo quy định tại điểm a và b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng T khởi kiện yêu cầu chị Trịnh Thị Phương T trả nợ gốc lãi theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (áp dụng cho khách hàng cá nhân). Do đó đây là vụ án tranh chấp về “Hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 463 Bộ luật Dân sự.

Bị đơn chị Trịnh Thị Phương T có nơi cư trú trên địa bàn thành phố Vĩnh Long vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn Trịnh Thị Phương T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền tổng cộng là 34.417.138 đồng tính đến ngày 07/7/2020 (trong đó nợ gốc 15.511.888 và lãi suất quá hạn 18.905.250 đồng) và yêu cầu tính lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng cấp thẻ từ ngày 08/7/2020 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Đối với khoảng tiền nợ gốc: Hội đồng xét xử nhận thấy ngày 27/10/2014 chị Trịnh Thị Phương T có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng (áp dụng cho khách hàng cá nhân) với Ngân hàng T thỏa thuận hạn mức sử dụng thẻ là 15.000.000 đồng. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng bị đơn T chưa thanh toán nghĩa vụ còn lại đến cuối kỳ (ngày 05/12/2017) với số tiền là 15.511.888 đồng cho Ngân hàng đã vi phạm các Điều 2, 23 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng T. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của Ngân hàng T theo quy định tại Điều 463 và khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự.

Đối với khoản tiền lãi quá hạn: Đến ngày 07/7/2020 thì Ngân hàng T xác định bị đơn Trịnh Thị Phương T còn nợ lãi suất quá hạn là 18.905.250 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy giữa nguyên đơn và bị đơn đã tự nguyện thỏa thuận lãi suất quá hạn với nhau là 150% lãi suất vay như Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và việc Ngân hàng T yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến khi bị đơn trả hết nợ là có căn cứ đúng pháp luật phù hợp với quy định Điều 466 Bộ luật Dân sự; Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị đơn chị Trịnh Thị Phương T phải chịu 1.720.800 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí là 800.000 đồng theo biên lai thu số N<sub>0</sub> 0005312 nộp ngày 01/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a và b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 147 và Điều 235 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào Điều 91 và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

### **1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng T.**

Buộc bị đơn chị Trịnh Thị Phương T phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng T số tiền vốn lãi là 34.417.138 đồng (ba mươi bốn triệu bốn trăm mười bảy ngàn một trăm ba mươi tám đồng). Trong đó: Nợ gốc là 15.511.888 đồng (mười lăm triệu năm trăm mười một ngàn tám trăm tám mươi tám đồng) và lãi suất quá hạn là 18.905.250 đồng (mười tám triệu chín trăm lẻ năm ngàn hai trăm năm mươi đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 08/7/2020) bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

### **2. Về án phí:**

Buộc bị đơn chị Trịnh Thị Phương T phải chịu 1.720.800 đồng (một triệu bảy trăm hai mươi ngàn tám trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí là 800.000 đồng (tám trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số N<sub>0</sub> 0005312 nộp ngày 01/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

**3. Về nghĩa vụ thi hành án:** Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**4. Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND TPVL;
- CCTHADS TPVL;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Hải Châu**